

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO- TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: **3 3 0 0 1 0 1 4 0 6**

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016*

*Đã được kiểm toán bởi*

*Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và DVTH*

*Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng*

## **MỤC LỤC**

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12-38

---

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3 3 0 0 1 0 1 4 0 6

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016*

*Đã được kiểm toán bởi*

*Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và*

*Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

*Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.*

**1. Thông tin chung về công ty:**

Công ty CP Dược TW Medipharco -Tenamyd được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Dược TW Huế và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3300101406 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/01/2006 và đã điều chỉnh lần thứ bảy ngày 22/03/2016.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 202/2010/GCNCP-VSD ngày 13/08/2010 và chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 23/09/2010

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

**Hoạt động chính của Công ty:**

Sản xuất thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu;

Bán buôn thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng và dụng cụ y tế; Bán buôn trang thiết bị;

Bán buôn máy móc, trang thiết bị y tế;

Sản xuất rượu; Kinh doanh rượu;

Sản xuất thực phẩm chức năng;

Bán lẻ thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Kinh doanh, sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm đã đăng ký ở trên;

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Tên tiếng anh:** MEDIPHARCO -TENAMYD CENTRAL PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** MEDIPHARCO

**Mã chứng khoán:** MTP (UPCOM)

**Trụ sở chính:** 08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Hà Nội 1C1A đường Giải Phóng, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Chi nhánh Tp. HCM 33 Đường 16 Cư Xá Lữ Gia P.15, Quận 11, TP. HCM.

Chi nhánh Dược phẩm Huế 36 Ngô Quyền, TP. Huế, tỉnh T.T.Huế.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

### **3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

#### **Hội đồng Quản trị**

	<b>Chức danh</b>
Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên
Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên
Ông Bùi Tường Nhật	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên
Ông Lã Thành Lê	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<b>Chức danh</b>
Bà Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Kế toán trưởng

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Bà Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám Đốc
----------------------	---------------

### **4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016*

*Đã được kiểm toán bởi*

*Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và*

*Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

*Tp. Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2017*

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phan Thị Minh Tâm**

**Tổng Giám đốc**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ - Phường 4 - Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 03.17.25.2/AISC-TC-DN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Dược TW Medipharco- Tenamyd, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty CP Dược TW Medipharco- Tenamyd tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

**NGUYỄN THỊ HIỆP**  
Số GCNĐKHNKT: 1401-2013-05-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

**HUỶNH TIỂU PHỤNG**  
Số GCNĐKHNKT: 1269-2013-05-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St., Cau Giay Dist, Ha Noi

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Danang: 190, 3/2 St., Thuan Phuoc Ward, Hai Chau Dist, Danang City Tel: (0236)3 747 620

Fax: (0236)3 747 620 Email: aiscdn@gmail.com

Rebrepresentative in Can Tho: 64 Nam Ky Khoi Nghia St., Ninh Kiều Dist, Can Tho City Tel: (0710) 3813 004

Fax: (0710) 3828 765

Rebrepresentative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist, Hai Phong City Tel: (031) 3569 577

Fax: (031) 3569 576

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>453.158.625.152</b>	<b>410.757.709.650</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.737.806.381</b>	<b>13.271.328.164</b>
1. Tiền	111		8.737.806.381	13.271.328.164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>188.112.675.792</b>	<b>149.074.503.155</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	186.565.654.061	147.489.632.715
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.094.215.240	871.720.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	452.806.491	713.150.440
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>247.451.154.231</b>	<b>242.061.202.162</b>
1. Hàng tồn kho	141		247.451.154.231	242.061.202.162
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.856.988.748</b>	<b>6.350.676.169</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.816.824.648	6.344.301.692
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	40.164.100	6.374.477
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Mẫu số B 01 - DN/HN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.226.148.828</b>	<b>42.353.620.084</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.865.729.605</b>	<b>33.980.641.435</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	30.490.729.605	32.105.641.435
- Nguyên giá	222		89.555.673.448	87.127.764.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.064.943.843)	(55.022.123.314)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	375.000.000	1.875.000.000
- Nguyên giá	228		8.017.186.800	8.017.186.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.642.186.800)	(6.142.186.800)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.000.000.000	6.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.360.419.223</b>	<b>2.372.978.649</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	217.000.000	84.249.297
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.143.419.223	2.288.729.352
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>492.384.773.979</b>	<b>453.111.329.734</b>



**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Mẫu số B 01 - DN/HN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>424.687.555.951</b>	<b>386.576.703.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>414.164.642.771</b>	<b>372.418.789.904</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	119.281.003.475	101.201.689.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.471.431.334	2.367.678.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.191.432.680	642.052.060
4. Phải trả người lao động	314	V.13	3.062.975.177	4.596.755.995
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	537.035.920	459.256.894
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	326.385.946	274.603.362
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	285.352.151.349	260.922.774.297
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.942.226.890	1.953.979.369
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.522.913.180</b>	<b>14.157.913.180</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	10.522.913.180	14.157.913.180
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.697.218.028</b>	<b>66.534.626.650</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>67.697.218.028</b>	<b>66.534.626.650</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000	4.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.940.074.487	9.940.074.487
5. Cổ phiếu quỹ	415		(92.000.000)	(92.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		558.942.310	717.320.855
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.700.473.817	2.918.165.318
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.321.309.880	909.271.013
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		-	-
<i>LNST chưa phân phối năm này</i>	<i>421b</i>		<i>2.321.309.880</i>	<i>909.271.013</i>
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.264.417.534	22.137.794.977
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>492.384.773.979</b>	<b>453.111.329.734</b>

Tp. Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Trần Gia Đoàn

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Ngọc

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Tâm

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3 3 0 0 1 0 1 4 0 6

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	<b>855.524.447.089</b>	<b>725.279.121.081</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.820.470.559	4.215.660.117
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>844.703.976.530</b>	<b>721.063.460.964</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	784.866.538.969	650.348.738.241
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>59.837.437.561</b>	<b>70.714.722.723</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	94.758.985	249.374.050
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	20.196.103.350	19.541.806.505
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.128.200.342	19.541.806.505
8. Chi phí bán hàng	25		13.051.295.681	17.727.646.678
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.633.080.847	20.359.056.532
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>8.051.716.668</b>	<b>13.335.587.058</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	255.782.458	181.359.840
12. Chi phí khác	32	VI.8	148.126.734	72.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>107.655.724</b>	<b>109.359.840</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>8.159.372.392</b>	<b>13.444.946.898</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.685.437.514	2.231.999.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	168.455.351	839.165.787
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>6.305.479.527</b>	<b>10.373.781.213</b>
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			4.841.061.993	8.235.986.236
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số			1.464.417.534	2.137.794.977
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.12</b>	<b>1.616</b>	<b>2.603</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.13</b>	<b>1.616</b>	<b>2.603</b>

Người lập biểu



Trần Gia Đoàn

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Ngọc

Tp. Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Tâm

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Mẫu số B 03 - DN/HN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>8.159.372.392</b>	<b>13.444.946.898</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7-8	5.542.820.529	5.648.810.331
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		38.349.423	15.885.066
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.5	(62.848.468)	(85.042.431)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	20.128.200.342	19.400.132.704
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33.805.894.218</b>	<b>38.424.732.568</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(41.399.175.087)	(11.376.408.913)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(5.389.952.069)	(80.725.073.009)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		17.134.134.663	63.162.368.584
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(132.750.703)	255.812.847
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.050.421.316)	(18.940.875.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.314.267.850)	(2.744.048.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.627.039.756	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.632.480.384)	(155.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.351.978.771)</b>	<b>(12.098.492.620)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	V.7	(2.427.908.699)	(907.690.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	62.848.468	85.042.431
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.365.060.231)</b>	<b>(822.648.024)</b>

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Mẫu số B 03 - DN/HN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	682.040.912.706	644.860.022.646
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(661.246.535.654)	(642.735.431.721)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(3.600.000.000)	(4.493.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.194.377.052</b>	<b>(2.368.509.075)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.522.661.950)</b>	<b>(15.289.649.719)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.271.328.164</b>	<b>28.560.977.883</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.859.833)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.737.806.381</b>	<b>13.271.328.164</b>

Tp. Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Trần Gia Đoàn

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Ngọc

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Tâm

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Thành lập**

Công ty CP Dược TW Medipharco -Tenamyd được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Dược TW Huế và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3300101406 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/01/2006 và đã điều chỉnh lần thứ bảy ngày 22/03/2016.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 202/2010/GCNCP-VSD ngày 13/08/2010 và chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 23/09/2010

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Hà Nội: 1C1A Đường Giải Phóng, Q.Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Số 33 Đường 16 Cư Xá Lữ Gia P.15, Quận 11, Tp. HCM.

Chi nhánh Dược phẩm Huế: 36 Ngô Quyền, Tp. Huế, tỉnh T.T.Huế.

#### **2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.**

#### **3. Lĩnh vực kinh doanh: Dược phẩm.**

#### **4. Hoạt động chính của Công ty**

Sản xuất thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu;

Bán buôn thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng và dụng cụ y tế; Bán buôn trang thiết bị;

Bán buôn máy móc, trang thiết bị y tế;

Sản xuất rượu; Kinh doanh rượu;

Sản xuất thực phẩm chức năng;

Bán lẻ thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Kinh doanh, sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm đã đăng ký ở trên;

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### **5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

#### **6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có

#### **7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 213 nhân viên.**

(Tổng số nhân viên đến 31/12/2015: 216 nhân viên).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Cấu trúc doanh nghiệp***Công ty có một công ty con như sau:*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Liên doanh Dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l	Sản xuất và kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng...	60%	60%	60%

**9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho phần XIII- Thông tư 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### **2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

##### **Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Huế. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.710 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Huế. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2015: 22.790 VND/USD.

##### **Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

**Tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư:**

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá nhập trước xuất trước.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: (tiếp theo)

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

#### 8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

#### 8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

*Tài sản cố định vô hình tăng từ nhận vốn góp*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình nhận vốn góp là giá trị quyền sử dụng sáng chế kỹ thuật được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Công ty ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	5 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	03 - 10 năm
<i>Phương tiện vận tải</i>	6 - 7 năm
<i>Phần mềm kế toán</i>	3 năm
<i>Bảng sáng chế</i>	5 năm

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng và cá nhân

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **18. Công cụ tài chính:**

#### **Ghi nhận ban đầu:**

##### **Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### **19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### **20. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
<b>Tiền</b>	<b>8.737.806.381</b>	<b>13.271.328.164</b>
Tiền mặt	266.676.207	386.972.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND	8.431.755.733	12.739.124.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn USD	39.374.441	145.230.855
<b>Cộng</b>	<b>8.737.806.381</b>	<b>13.271.328.164</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng CP	Giá gốc	Số lượng CP	Giá gốc
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Dược phẩm Tenamyd	300.000	6.000.000.000	300.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>300.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(\*\*) Công ty CP Dược phẩm Tenamyd được thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 0305131303 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 08 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô Y.01-02A Đường Tân Thuận Khu công nghiệp/ Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và mỹ phẩm. Trong năm, Công ty CP Dược phẩm Tenamyd có kết quả kinh doanh lãi trước thuế 28.654.696.861 đồng và khoản lợi nhuận lũy kế dương nên không cần lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>186.565.654.061</b>	-	<b>147.489.632.715</b>	-
Khách hàng trong nước	185.836.887.409	-	146.573.343.622	-
- Công ty CP Dược phẩm Calapharco	26.547.027.405	-	9.088.848.280	-
- Bệnh viện TW Huế	-	-	6.976.139.459	-
- Công ty CP Dược Vật Tư Y Tế Thanh Hóa	1.517.962.485	-	2.883.683.478	-
- Công ty CP Dược Phẩm Phú Thái Hòa	2.636.050.855	-	2.581.242.858	-
- Công ty TNHH Sản xuất TM XNK Nam Phát	40.245.539.615	-	-	-
- Công Ty TNHH Thương Mai Mỹ Hoa	631.485.752	-	2.097.597.079	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Dược mỹ phẩm Tenamyd	61.100.883.318	-	52.540.709.977	-
- Công ty CP Dược phẩm Tenamyd	544.756.302	-	21.981.237.394	-
- Phải thu khách hàng khác	52.613.181.677	-	48.423.885.097	-
Khách hàng nước ngoài	728.766.652		916.289.093	
<b>Cộng</b>	<b>186.565.654.061</b>	<b>-</b>	<b>147.489.632.715</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Dược mỹ phẩm Tenamyd	61.100.883.318	-	52.540.709.977	-
- Công ty CP Dược phẩm Tenamyd	544.756.302	-	21.981.237.394	-
<b>Cộng</b>	<b>61.100.883.318</b>	<b>-</b>	<b>74.521.947.371</b>	<b>-</b>

Trong khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2016 có khoản phải thu trị giá 119.630.996.621 đồng được dùng làm tài sản thế chấp vay ngân hàng.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	26.081.000	-	199.240.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị Linh Nam	26.081.000	-	-	-
- Viện Kiểm nghiệm thuốc TP HCM	-	-	181.240.000	-
- Cty TNHH Dược phẩm Novaco - Hà Nội	-	-	18.000.000	-
Nhà cung cấp nước ngoài	1.068.134.240	-	672.480.000	-
- MI Pharma Private Limited.	1.068.134.240	-	672.480.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.094.215.240</b>	<b>-</b>	<b>871.720.000</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	20.483.158	-	9.400.440	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	354.093.324	-	603.628.784	-
BHXH nộp thừa	-	-	22.894.106	-
Phải thu khác	-	-	2.876.250	-
Số dư nợ phải trả khác	78.230.009	-	74.350.860	-
<b>Cộng</b>	<b>452.806.491</b>	<b>-</b>	<b>713.150.440</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.973.773.306	-	32.698.935.269	-
Công cụ, dụng cụ	32.580.000	-	69.361.818	-
Thành phẩm	1.146.146.794	-	503.662.080	-
Hàng hoá	201.452.632.121	-	204.638.932.410	-
Chi phí thu mua hàng hóa	749.782.340	-	1.655.315.285	-
Hàng gửi bán	3.096.239.670	-	2.494.995.300	-
<b>Cộng</b>	<b>247.451.154.231</b>	<b>-</b>	<b>242.061.202.162</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho dùng để cầm cố thế chấp tại ngân hàng TMCP Quân Đội Bắc Sài Gòn theo hợp đồng vay ngắn hạn số 24679.16.201.302062.TD tại thời điểm 31/12/2016 là: 154.142.731.558 đồng

**7. Tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	38.973.783.567	46.332.859.279	1.821.121.903	<b>87.127.764.749</b>
<i>Mua trong năm</i>	<i>632.205.455</i>	<i>1.795.703.244</i>	-	<i>2.427.908.699</i>
Số dư cuối kỳ	39.605.989.022	48.128.562.523	1.821.121.903	<b>89.555.673.448</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	15.638.434.432	37.601.441.508	1.782.247.374	<b>55.022.123.314</b>
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.995.536.367</i>	<i>2.025.835.873</i>	<i>21.448.289</i>	<i>4.042.820.529</i>
Số dư cuối năm	17.633.970.799	39.627.277.381	1.803.695.663	<b>59.064.943.843</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	23.335.349.135	8.731.417.771	38.874.529	<b>32.105.641.435</b>
Số dư cuối năm	21.972.018.223	8.501.285.142	17.426.240	<b>30.490.729.605</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.945.590.090 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.514.168.714 VNĐ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Bảng sáng chế	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	7.500.000.000	517.186.800	<b>8.017.186.800</b>
Số dư cuối năm	7.500.000.000	517.186.800	<b>8.017.186.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.625.000.000	517.186.800	<b>6.142.186.800</b>
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.500.000.000</i>	-	<i>1.500.000.000</i>
Số dư cuối năm	7.125.000.000	517.186.800	<b>7.642.186.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.875.000.000	-	<b>1.875.000.000</b>
Số dư cuối năm	375.000.000	-	<b>375.000.000</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.186.800 VNĐ

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

**Cộng**

	31/12/2016	01/01/2016
	217.000.000	84.249.297
<b>Cộng</b>	<b>217.000.000</b>	<b>84.249.297</b>

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Nhà cung cấp trong nước	117.170.615.290	117.170.615.290	100.931.187.079	100.931.187.079
<i>Công ty CP P/S DV bao bì Tân Toàn Phát</i>	<i>1.762.267.585</i>	<i>1.762.267.585</i>	<i>2.157.887.600</i>	<i>2.157.887.600</i>
<i>Công ty TNHH SX bao bì Dược phẩm Năm Sao</i>	<i>1.097.754.741</i>	<i>1.097.754.741</i>	<i>1.051.361.023</i>	<i>1.051.361.023</i>
<i>Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tenamyd</i>	<i>76.644.411.048</i>	<i>76.644.411.048</i>	<i>47.056.544.635</i>	<i>47.056.544.635</i>
<i>Công ty Cổ Phần Dược Mỹ Phẩm Tenamyd</i>	<i>18.247.220.451</i>	<i>18.247.220.451</i>	<i>37.587.416.043</i>	<i>37.587.416.043</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>17.961.832.188</i>	<i>17.961.832.188</i>	<i>11.364.652.641</i>	<i>11.364.652.641</i>
Nhà cung cấp nước ngoài	2.110.388.185	2.110.388.185	270.502.540	270.502.540
<b>Cộng</b>	<b>119.281.003.475</b>	<b>119.281.003.475</b>	<b>101.201.689.619</b>	<b>101.201.689.619</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Phải trả người bán (tiếp theo)**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tenamyd	76.644.411.048	76.644.411.048	47.056.544.635	47.056.544.635
Công ty Cổ Phần Dược Mỹ Phẩm Tenamyd	18.247.220.451	18.247.220.451	37.587.416.043	37.587.416.043
<b>Cộng</b>	<b>94.891.631.499</b>	<b>94.891.631.499</b>	<b>84.643.960.678</b>	<b>84.643.960.678</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Khách hàng trong nước	2.471.431.334	2.367.678.308
<b>Cộng</b>	<b>2.471.431.334</b>	<b>2.367.678.308</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

a. Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.159.070	551.411.397	538.099.839	44.470.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.866.659	1.617.943.363	1.314.267.850	726.542.172
Thuế thu nhập cá nhân	188.026.331	1.072.770.304	840.376.755	420.419.880
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	541.117.353	541.117.353	-
Thuế môn bài	-	37.000.000	37.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>642.052.060</b>	<b>3.820.242.417</b>	<b>3.270.861.797</b>	<b>1.191.432.680</b>

b. Phải thu	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.374.477	900.207.559	877.994.936	28.587.100
Thuế xuất nhập khẩu	-	91.016.937	79.439.937	11.577.000
<b>Cộng</b>	<b>6.374.477</b>	<b>991.224.496</b>	<b>957.434.873</b>	<b>40.164.100</b>

**13. Phải trả người lao động**

	31/12/2016	01/01/2016
Lương phải trả	3.062.975.177	4.596.755.995
<b>Cộng</b>	<b>3.062.975.177</b>	<b>4.596.755.995</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí lãi vay phải trả	537.035.920	459.256.894
<b>Cộng</b>	<b>537.035.920</b>	<b>459.256.894</b>

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3 3 0 0 1 0 1 4 0 6

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội	22.982.584	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	303.403.362	274.603.362
<i>Pamako tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	96.339.550	96.339.550
<i>Pamako Phong Điền</i>	22.423.812	22.423.812
<i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>	93.000.000	93.000.000
<i>Ovidio Caveri</i>	28.800.000	-
<i>Sở KHCN Thừa Thiên Huế - DA Mangiferin</i>	62.840.000	62.840.000
<b>Cộng</b>	<b>326.385.946</b>	<b>274.603.362</b>

16. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>285.352.151.349</b>	<b>285.352.151.349</b>	<b>260.922.774.297</b>	<b>260.922.774.297</b>
Vay ngân hàng - VND	245.008.745.849	245.008.745.849	213.180.367.237	213.180.367.237
<i>Vay ngân hàng Vietinbank - CN Huế (a)</i>	46.720.188.885	46.720.188.885	17.900.000.000	17.900.000.000
<i>Vay ngân hàng VCB - CN Huế (b)</i>	123.562.747.254	123.562.747.254	118.654.129.250	118.654.129.250
<i>Vay ngân hàng MB - Bắc Sài Gòn (c)</i>	38.379.627.874	38.379.627.874	30.511.776.000	30.511.776.000
<i>Vay ngân hàng Eximbank - CN Huế</i>	-	-	18.422.685.987	18.422.685.987
<i>Vay ngân hàng MB - CN Huế (d)</i>	36.346.181.836	36.346.181.836	27.691.776.000	27.691.776.000
Vay cá nhân (e)	40.343.405.500	40.343.405.500	47.742.407.060	47.742.407.060
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>10.522.913.180</b>	<b>10.522.913.180</b>	<b>14.157.913.180</b>	<b>14.157.913.180</b>
<i>Vay Ngân hàng Ngoại thương - CN Huế</i>	4.102.913.180	4.102.913.180	8.157.913.180	8.157.913.180
<i>Vay từ nhân viên của công ty</i>	6.420.000.000	6.420.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>295.875.064.529</b>	<b>295.875.064.529</b>	<b>275.080.687.477</b>	<b>275.080.687.477</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

a/ Khoản vay ngân hàng Công thương CN Huế gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
09/2016- HỘTDHM/NHCT460- MEDIPHARCO- TENAMYD	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ-thời hạn vay không quá 06 tháng	46.720.188.885	Hình thức bảo đảm, giá trị TSĐB theo các cam kết bảo lãnh/HĐ bảo đảm mà Bên vay và các tổ chức khác ký kết

b/ Khoản vay Ngân hàng VCB Chi nhánh Huế gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
02-2016/HỘTD	12 tháng	Theo từng Khế ước nhận nợ	123.562.747.254	sản tại HD cầm cố 04/2013/VCB-

(\*) Chi tiết tài sản đảm bảo:

+ 3.000.000 cổ phần CTY CP LD dược phẩm MEDIPHARCO TENAMYD BR s.r.l; 3.000 cổ phiếu của Công ty CP Dược phẩm Tenamyl thuộc sở hữu của cty CP Dược TW Medipharco-Tenamyl; Quyền sử dụng đất tại số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế và nhà.

c/ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội Bắc Sài Gòn gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
24679.16.201.302062. TD	12 tháng	Theo từng Khế ước nhận nợ	38.379.627.874	Tài sản đảm bảo (*)

(\*) Chi tiết tài sản đảm bảo

- Bất động sản: Thửa đất số 16, tờ bản đồ 33, địa chỉ: 33 đường 16 Cư xá Lữ Gia, P15-Q11-Tp.HCM.

- Hàng tồn kho luân chuyển là thành phẩm tân dược, thực phẩm chức năng còn HSD tối thiểu 1 năm. Địa chỉ kho hàng tại lô số 17 đường số 3 KCN Tân Tạo Q Bình Tân

- Quyền đòi nợ thuộc các BV công thuộc tuyến TW/tuyến tỉnh trở lên, các công ty Dược lớn thuộc quản lý của Medipharco-CN HCM có mức dư nợ từ 500 triệu trở lên phát sinh GD với Medipharco thường xuyên trên 06 tháng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

*d/ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Huế gồm có các hợp đồng vay sau:*

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
84494.16.501.302062. TD	12 tháng	Theo từng Khế ước nhận nợ	36.346.181.836	BĐS : số 33 đường số 16 Cư xá Lữ Gia P15 Q 11 - TP HCM  Hàng tồn kho Quyền đòi nợ  Tín chấp bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, xác nhận cung cấp tín dụng

*e/ Vay cá nhân*

Vay cá nhân là các khoản vay tín chấp bằng VND của các cá nhân có thời hạn từ một đến trên hai năm chịu lãi suất từ 6,7%/năm.

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>8.255.248.951</b>	<b>(92.000.000)</b>	<b>1.500.352.044</b>	<b>2.413.766.916</b>	<b>20.394.543.562</b>	<b>520.309.252</b>	<b>62.996.220.725</b>
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	-	-	-	-	-	-	10.373.781.213	10.373.781.213
Trích lập các quỹ năm 2014	-	-	-	-	1.904.085.855	387.801.192	-	-	2.291.887.047
Tăng khác	-	-	1.684.825.536	-	184.473.492	116.597.210	-	-	1.985.896.238
Loại trừ lợi nhuận nội bộ đầu năm và trong năm	-	-	-	-	-	-	(394.543.562)	(7.326.715.223)	(7.721.258.785)
Tách lợi ích cổ đông thiểu số trong năm	-	-	-	-	-	-	2.137.794.977	(2.137.794.977)	-
Giảm vốn trong nước	-	-	-	-	(1.186.765.000)	-	-	-	(1.186.765.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(1.684.825.536)	-	-	(520.309.252)	(2.205.134.788)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>9.940.074.487</b>	<b>(92.000.000)</b>	<b>717.320.855</b>	<b>2.918.165.318</b>	<b>22.137.794.977</b>	<b>909.271.013</b>	<b>66.534.626.650</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>9.940.074.487</b>	<b>(92.000.000)</b>	<b>717.320.855</b>	<b>2.918.165.318</b>	<b>22.137.794.977</b>	<b>909.271.013</b>	<b>66.534.626.650</b>
Lợi nhuận sau thuế năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	6.305.479.527	6.305.479.527
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.558.291.794	-	1.263.227.962	2.821.519.756
Loại trừ lợi nhuận nội bộ đầu năm và trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.137.794.977)	(6.782.980.075)	(8.920.775.052)
Loại trừ cổ tức chia trên lợi nhuận Cty con	-	-	-	-	-	-	(1.200.000.000)	3.000.000.000	1.800.000.000
Tách lợi ích cổ đông thiểu số trong năm	-	-	-	-	-	-	1.464.417.534	(1.464.417.534)	-
Trích quỹ năm 2015	-	-	-	-	459.422.173	224.016.705	-	-	683.438.878
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	5.520.000	-	-	-	5.520.000
Trích quỹ KT, PL năm 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm 2015	-	-	-	-	(623.320.718)	-	-	(909.271.013)	(1.532.591.731)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>9.940.074.487</b>	<b>(92.000.000)</b>	<b>558.942.310</b>	<b>4.700.473.817</b>	<b>20.264.417.534</b>	<b>2.321.309.880</b>	<b>67.697.218.028</b>

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP dược phẩm Tenamyd	30,10%	9.030.920.000	9.030.920.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	15,01%	4.503.450.000	4.503.450.000
Vốn góp của các cổ đông khác	54,73%	16.419.630.000	16.419.630.000
Cổ phiếu quỹ	0,15%	46.000.000	46.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ

4.600 4.600

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	4.493.100.000

**d. Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường

Năm 2016 Năm 2015

Chưa công bố 12,00%

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.600	4.600
Cổ phiếu phổ thông	4.600	4.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.995.400	2.995.400
Cổ phiếu phổ thông	2.995.400	2.995.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	558.942.310	717.320.855
<b>Cộng</b>	<b>558.942.310</b>	<b>717.320.855</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại	1.173,15	5.874,65
USD	1.173,15	5.874,65
<b>Cộng</b>	<b>1.173,15</b>	<b>5.874,65</b>



**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN/HN***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	855.524.447.089	725.279.121.081
<b>Cộng</b>	<b>855.524.447.089</b>	<b>725.279.121.081</b>
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Dược mỹ phẩm Tenamyd	216.079.836.975	238.868.899.895
Công ty CP Dược Tenamyd	178.376.801.287	177.279.358.122
<b>Cộng</b>	<b>394.456.638.262</b>	<b>416.148.258.017</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	10.820.470.559	3.738.264.934
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	477.395.183
<b>Cộng</b>	<b>10.820.470.559</b>	<b>4.215.660.117</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng	844.703.976.530	721.063.460.964
<b>Cộng</b>	<b>844.703.976.530</b>	<b>721.063.460.964</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn bán hàng	784.866.538.969	650.348.738.241
<b>Cộng</b>	<b>784.866.538.969</b>	<b>650.348.738.241</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.848.468	64.659.074
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	48.727	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.580.227	184.425.712
Doanh thu hoạt động tài chính khác	281.563	289.264
<b>Cộng</b>	<b>94.758.985</b>	<b>249.374.050</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	20.128.200.342	19.400.132.704
Chiết khấu thanh toán	27.746.514	-
Lỗ tỷ giá đánh giá lại chưa thực hiện	38.349.423	15.885.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.807.071	125.788.735
<b>Cộng</b>	<b>20.196.103.350</b>	<b>19.541.806.505</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	255.782.458	181.359.840
<b>Cộng</b>	<b>255.782.458</b>	<b>181.359.840</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt hành chính	4.126.734	-
Lương HĐQT không tham gia trực tiếp sản xuất	144.000.000	72.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.126.734</b>	<b>72.000.000</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.435.922.230	122.194.028.380
Chi phí nhân công	20.944.936.542	24.055.443.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.542.820.529	5.648.810.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.143.938.312	27.257.124.494
Chi phí khác	8.784.295.479	11.864.280.345
<b>Cộng</b>	<b>173.851.913.092</b>	<b>191.019.686.838</b>
<i>Trong năm, công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn việc lập báo cáo để trình bày lại chi chi phí theo yếu tố năm 2015. Theo đó, đối với các doanh nghiệp thương mại, việc thuyết minh chi phí theo yếu tố không bao gồm giá mua hàng hóa.</i>		
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty</b>	<b>1.685.437.514</b>	<b>2.231.999.898</b>
Chi phí thuế TNDN của Công ty	1.088.102.308	1.268.164.380
Chi phí thuế TNDN của Công ty con	597.335.206	963.835.518
<b>2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>1.685.437.514</b>	<b>2.231.999.898</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	168.455.351	839.165.787
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>168.455.351</b>	<b>839.165.787</b>
<b>12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.841.061.993	8.235.986.236
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(439.037.521)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	(439.037.521)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.841.061.993	7.796.948.715
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.995.400	2.995.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.616</b>	<b>2.603</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Trong năm, công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế và các thay đổi khác.

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.841.061.993	7.796.948.715
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>4.841.061.993</b>	<b>7.796.948.715</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.995.400	2.995.400
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>2.995.400</b>	<b>2.995.400</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.616</b>	<b>2.603</b>

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>		
VND	+100	(2.871.372.581)
VND	-100	2.871.372.581
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>		
VND	+100	(2.618.093.593)
VND	-100	2.618.093.593

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**14.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

**Ngày 31 tháng 12 năm**

<b>2016</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	285.352.151.349	10.522.913.180	-	295.875.064.529
Phải trả người bán	119.281.003.475	-	-	119.281.003.475
Các khoản phải trả khác	537.035.920	-	-	537.035.920
<b>Cộng</b>	<b>405.170.190.744</b>	<b>10.522.913.180</b>	<b>-</b>	<b>415.693.103.924</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm**

<b>2015</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	260.922.774.297	14.157.913.180	-	275.080.687.477
Phải trả người bán	101.201.689.619	-	-	101.201.689.619
Các khoản phải trả khác	459.256.894	-	-	459.256.894
<b>Cộng</b>	<b>362.583.720.810</b>	<b>14.157.913.180</b>	<b>-</b>	<b>376.741.633.990</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng tài sản hữu hình, khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3 3 0 0 1 0 1 4 0 6

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**Đã được kiểm toán bởi**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và**Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016***Mẫu số B 09 - DN/HN***Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		31/12/2015		31/12/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	186.565.654.061	-	58.014.558.235	-	186.565.654.061	58.014.558.235
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.737.806.381	-	13.271.328.164	-	8.737.806.381	13.271.328.164
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>195.303.460.442</b>	<b>-</b>	<b>71.285.886.399</b>	<b>-</b>	<b>195.303.460.442</b>	<b>71.285.886.399</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	295.875.064.529	-	275.080.687.477	-	295.875.064.529	275.080.687.477
- Phải trả người bán	119.281.003.475	-	101.201.689.619	-	119.281.003.475	101.201.689.619
- Phải trả khác	537.035.920	-	459.256.894	-	537.035.920	459.256.894
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>415.693.103.924</b>	<b>-</b>	<b>376.741.633.990</b>	<b>-</b>	<b>415.693.103.924</b>	<b>376.741.633.990</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	682.040.912.706	644.860.022.646

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	661.246.535.654	642.735.431.721

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
Công ty CP Dược phẩm Tenamyd	Cổ đông	Bán hàng	Số dư đầu năm	21.981.237.394
			Phát sinh tăng	189.079.409.364
			Phát sinh giảm	210.515.890.456
			Số dư cuối năm	544.756.302
	Mua hàng	Số dư đầu năm	47.056.544.635	
		Phát sinh tăng	746.645.762.645	
		Phát sinh giảm	717.057.896.232	
		Số dư cuối năm	76.644.411.048	
Công ty CP Dược mỹ phẩm Tenamyd	Bên liên quan	Bán hàng	Số dư đầu năm	52.540.709.977
			Phát sinh tăng	232.501.904.585
			Phát sinh giảm	223.941.731.244
			Số dư cuối năm	61.100.883.318
	Mua hàng	Số dư đầu năm	37.587.416.043	
		Phát sinh tăng	45.322.998.875	
		Phát sinh giảm	64.663.194.467	
		Số dư cuối năm	18.247.220.451	
Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt	Lương	Số dư đầu năm	-
			Phát sinh tăng	1.876.937.171
			Phát sinh giảm	1.876.937.171
			Số dư cuối năm	-

**CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO - TENAMYD**

08 Nguyễn Trường Tộ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

Điện thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Đã được kiểm toán bởi

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và

Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh các sản phẩm dược và thiết bị y tế, có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý, không trình bày báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm 2016	Tp. Huế	Tp. Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tổng Cộng
Doanh thu thuần	345.495.555.415	397.310.501.829	101.897.919.286	844.703.976.530
Giá vốn	309.824.769.282	369.988.886.726	105.052.882.961	784.866.538.969
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>35.670.786.133</b>	<b>27.321.615.103</b>	<b>(3.154.963.675)</b>	<b>59.837.437.561</b>

Năm 2015	Tp. Huế	Tp. Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tổng Cộng
Doanh thu thuần	114.795.978.418	481.899.265.264	124.368.217.282	721.063.460.964
Giá vốn	62.246.487.304	467.405.515.856	120.696.735.081	650.348.738.241
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>52.549.491.114</b>	<b>14.493.749.408</b>	<b>3.671.482.201</b>	<b>70.714.722.723</b>

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính này là số liệu cuối kỳ của báo cáo tài chính năm 2015 được lấy theo báo cáo tài chính của đơn vị đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - TDK.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Trần Gia Đoàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Ngọc

Tổng Giám đốc



Phan Thị Minh Tâm